

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I
MÔN: HĐTN-HN 9

I.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Tên bài học	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		%
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao				
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Chủ đề 1: Em với nhà trường	1		1						2		10
Chủ đề 2: Khám phá bản thân	1		1			1			2	1	20
Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân	1		1		1	1	1		4	1	30
Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân	1		1		1	1	1		4	1	40
Tổng số câu TN/TL	4		4		2	3	2		12	3	100
Tỉ lệ	20 %		20%		10%	40%	10%		60%	40%	100
Tỉ lệ chung	60%				40%				100%		

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Kiểm tra mức độ lĩnh hội kiến thức của HS sau khi học xong hai chủ đề:

Chủ đề 1: Em với nhà trường.

Chủ đề 2: Khám phá bản thân

Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân.

Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân.

2. Năng lực:

- Tự tin thể hiện được một số khả năng, sở thích của bản thân.
- Nhận biết được các tình huống cần từ chối và thực hiện được các kỹ năng từ chối trong một số tình huống cụ thể.
- Lập được kế hoạch cho bản thân, và thể hiện được khả năng của mình.

3. Phẩm chất:

- Trung thực khi làm bài kiểm tra.
- Nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ được phân công. Hợp tác với các bạn trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ yêu cầu. Sáng tạo và tự tin thể hiện sản phẩm của nhóm.

II. HÌNH THỨC

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm và tự luận (60% trắc nghiệm, 40% tự luận)

A. KHUNG MA TRẬN

- **Thời điểm kiểm tra:** Tuần 1 đến 16 (tiết 48).

Chủ đề 1: Em với nhà trường

- + Phát triển mối quan hệ hòa đồng, hợp tác với thầy cô và các bạn. Phòng chống bắt nạt học đường
- + Tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, Thầy cô

Chủ đề 2: Khám phá bản thân

- + Nhận diện điểm tích cực và chưa tích cực trong hành vi giao tiếp, ứng xử bản thân.
- + Khám phá khả năng thích nghi của bản thân

Chủ đề 3: Trách nhiệm với bản thân.

- + Trách nhiệm với nhiệm vụ được giao.
- + Ứng phó căng thẳng áp lực

Chủ đề 4: Rèn luyện bản thân.

- + Tạo động lực cho bản thân
- + Xây dựng ngân sách cá nhân hợp lý

- **Thời gian làm bài:** 60 phút.

- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa hai hình thức trắc nghiệm và tự luận (trắc nghiệm 60%, tự luận 40%).

TRƯỜNG
TỔ: TOÁN TIN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ

MÔN HỌC: HĐTN -- LỚP 9, NĂM HỌC 2024 - 2025
Thời gian: 60 phút không kể thời gian phát đề

Họ và tên:

ĐỀ 1.

Đánh giá			LỜI PHÊ CỦA CÔ GIÁO
TRẮC NGHIỆM	TỰ LUẬN	TỔNG	

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (60%) Chọn đáp án đúng (Mỗi câu trả lời đúng 5%)

Câu 1: Hành vi, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, thầy cô là:

- A. Chấp nhận suy nghĩ, cách làm, tính cách hoặc phong cách ăn mặc khác với mình của các bạn.
- B. Chỉ giúp đỡ bạn bè khi có sự đề nghị, yêu cầu của thầy cô, người lớn.
- C. Giữ thái độ khiêm tốn, biết kiểm soát cảm xúc, không kiêu căng khi giao tiếp với các bạn giỏi hơn mình.
- D. Chỉ hợp tác làm việc nhóm với các bạn khi được thầy cô phân công, yêu cầu.

Câu 2: Hành vi, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với thầy cô là:

- A. Hợp tác với các bạn, thầy cô để thực hiện các hoạt động mà thầy cô giao khi bị bắt buộc.
- B. So sánh, đánh giá sự khác biệt trong cách giao tiếp với học sinh của các thầy cô.
- C. Lắng nghe góp ý, nhận xét của thầy cô về bản thân.
- D. Khó chấp nhận sự khác biệt trong phong cách dạy học, làm việc của mỗi thầy cô.

Câu 3: Đây là cách ứng xử thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, thầy cô?

- A. So sánh, đánh giá, chỉ trích và phán xét những điểm khác biệt.
- B. Xa lánh và mỉa mai sự khác biệt.
- C. Dùng ngôn ngữ cục cằn, thô lỗ để nhận xét về điểm khác biệt.
- D. Chia sẻ cảm xúc tích cực của bản thân về sự khác biệt.

Câu 4: Đây là một trong các hoạt động phòng chống bắt nạt học đường?

- A. Ưu tiên thời gian cho các hoạt động học tập thay vì các hoạt động phòng chống bắt nạt học đường.
- B. Tổ chức các diễn đàn, thi tìm hiểu, diễn tiểu phẩm,... về phòng chống bắt nạt học đường.
- C. Xem các hình ảnh, video clip về bắt nạt học đường trên mạng xã hội.
- D. Tổ chức tọa đàm về chủ đề Trường học xanh – sạch – đẹp.

Câu 5: Đây là hoạt động lao động công ích ở trường?

- a. Tổng vệ sinh trường lớp.
- b. Trồng cây xanh tại địa phương.
- c. Tham gia tọa đàm Trường học xanh – sạch – đẹp.
- d. Nhặt rác và túi ni-lông tại địa phương.

Câu 6: Nội dung nào không phải là một trong những mục tiêu của các hoạt động lao động công ích ở trường học?

- A. Giáo dục tinh thần trách nhiệm của người học sinh đối với công việc chung.
- B. Bồi dưỡng tình yêu lao động.
- C. Phát triển kỹ năng hợp tác.
- D. Giảm thời gian học bài và làm bài tập về nhà.

Câu 7: Đây không phải là một trong những hoạt động khi thực hiện Kế hoạch chăm sóc cây xanh ở vườn trường?

- A. Quét dọn, cắt tỉa cành lá, bắt sâu.

- B. Nhỏ cỏ, bón phân, tưới nước.
- C. Xem đoạn phim ngắn về quá trình chăm sóc cây xanh ở vườn trường.
- D. Làm hàng rào bảo vệ vườn trường.

Câu 8: Cách ứng xử đúng khi có người đóng góp ý kiến về điểm yếu của mình là

- A. Trở nên tức giận
- B. Lắng nghe để tự thay đổi.
- C. Tự ái trước lời góp ý thiện chí.
- D. Cho rằng họ là người xấu.

Câu 9: Đây là cách ứng phó khi thay đổi chỗ ở?

- A. Xác định trước những khó khăn, thách thức sẽ phải đối mặt khi sống ở nơi mới.
- B. Chú ý lắng nghe thầy cô giảng bài.
- C. Chủ động học tập, tìm hiểu về bài học.
- D. Tích cực giờ tay phát biểu.

Câu 10: Đây là biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống?

- A. Buồn bã, chán nản trong học tập.
- B. Căng thẳng, áp lực trong công việc.
- C. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.
- D. Cảm xúc thất thường.

Câu 11: Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Né tránh giao tiếp.
- B. Không biết kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi giao tiếp.
- C. Tạo được sự hiểu biết lẫn nhau.
- D. Chỉ trích, phê phán người khác.

Câu 12: Hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực là

- A. Thể hiện sự tôn trọng.
- B. Thể hiện sự đồng cảm.
- C. Chủ động giao tiếp
- D. Coi thường, hạ thấp người khác.

II. TỰ LUẬN: (40%).

Câu 1: (10%) Viết 4 câu ca dao, tục ngữ nói về cách sống hài hòa với bạn bè là:

Câu 2: (20%) . Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: “T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.

Câu 3: (10%) Bản thân em có những điểm mạnh điểm yếu gì? Em phải làm gì để khắc phục những điểm yếu và phát huy những điểm mạnh đó?

----- Chúc các em làm bài thật tốt-----

TRƯỜNG
TỔ: TOÁN TIN

ĐỀ CHÍNH THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN HỌC: HĐTN -- LỚP 9, NĂM HỌC 2024 - 2025

Thời gian: 60 phút không kể thời gian phát đề

Họ và tên:

ĐỀ 2.

Đánh giá			LỜI PHÊ
TRẮC NGHIỆM	TỰ LUẬN	TỔNG	

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (60%) Chọn đáp án đúng (Mỗi câu trả lời đúng 5%)

Câu 1: Đây là một trong các hoạt động phòng chống bắt nạt học đường?

A. Ưu tiên thời gian cho các hoạt động học tập thay vì các hoạt động phòng chống bắt nạt học đường.

B. Tổ chức các diễn đàn, thi tìm hiểu, diễn tiểu phẩm,... về phòng chống bắt nạt học đường.

C. Xem các hình ảnh, video clip về bắt nạt học đường trên mạng xã hội.

D. Tổ chức tọa đàm về chủ đề Trường học xanh – sạch – đẹp.

Câu 2: Đây là cách ứng xử thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, thầy cô?

A. So sánh, đánh giá, chỉ trích và phán xét những điểm khác biệt.

B. Xa lánh và mỉa mai sự khác biệt.

C. Dùng ngôn ngữ cục cằn, thô lỗ để nhận xét về điểm khác biệt.

D. Chia sẻ cảm xúc tích cực của bản thân về sự khác biệt.

Câu 3: Cách ứng xử đúng khi có người đóng góp ý kiến về điểm yếu của mình là

A. Trở nên tức giận

B. Lắng nghe để tự thay đổi.

C. Tự ái trước lời góp ý thiện chí.

D. Cho rằng họ là người xấu.

Câu 4: Đây là biểu hiện của khả năng thích nghi với những thay đổi trong cuộc sống?

A. Chấp nhận từ bỏ những quan điểm, thói quen cũ.

B. Căng thẳng, áp lực trong công việc.

C. Buồn bã, chán nản trong học tập.

D. Cảm xúc thất thường.

Câu 5: Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

A. Né tránh giao tiếp.

B. Không biết kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ khi giao tiếp.

C. Chỉ trích, phê phán người khác.

D. Tạo được sự hiểu biết lẫn nhau

Câu 6: Hành vi, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với thầy cô là:

A. Hợp tác với các bạn, thầy cô để thực hiện các hoạt động mà thầy cô giao khi bị bắt buộc.

B. So sánh, đánh giá sự khác biệt trong cách giao tiếp với học sinh của các thầy cô.

C. Lắng nghe góp ý, nhận xét của thầy cô về bản thân.

D. Khó chấp nhận sự khác biệt trong phong cách dạy học, làm việc của mỗi thầy cô.

Câu 7: Đây không phải là một trong những sản phẩm đóng góp xây dựng truyền thống nhà trường?

A. Đoạn phim ngắn giới thiệu về truyền thống nhà trường.

B. Sổ tay giới thiệu về truyền thống nhà trường.

C. Tạo kho dữ liệu ảnh về các hoạt động của nhà trường.

D. Tranh vẽ về các danh lam, thắng cảnh tại địa phương.

Câu 8 : Hành vi, lời nói, việc làm thể hiện tôn trọng sự khác biệt và sống hài hòa với các bạn, thầy cô là:

- A. Chấp nhận suy nghĩ, cách làm, tính cách hoặc phong cách ăn mặc khác với mình của các bạn.
- B. Chỉ giúp đỡ bạn bè khi có sự đề nghị, yêu cầu của thầy cô, người lớn.
- C. Giữ thái độ khiêm tốn, biết kiểm soát cảm xúc, không kiêu căng khi giao tiếp với các bạn giỏi hơn mình.
- D. Chỉ hợp tác làm việc nhóm với các bạn khi được thầy cô phân công, yêu cầu.

Câu 9 Hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Luôn trau dồi kiến thức.
- B. Điểm số thấp trong kì kiểm tra.
- C. Không làm bài tập về nhà.
- D. Thân thiện với mọi người.

Câu 10: Hành vi không nên làm khi tham gia các hoạt động cộng đồng để thể hiện hành vi giao tiếp, ứng xử tích cực là?

- A. Chủ động giúp đỡ người khác.
- B. Đi muộn, về sớm.
- C. Không tuân thủ quy định chung.
- D. Làm công việc được giao một cách hời hợt.

Câu 11: Hành động thể hiện cách giao tiếp, ứng xử tích cực là

- A. Phân biệt màu da.
- B. Không tôn trọng sở thích của bạn.
- C. Chia bè, chia phái.
- D. Đoàn kết tham gia văn nghệ của trường, lớp.

Câu 12: : Hành vi giao tiếp, ứng xử chưa tích cực là

- A. Thể hiện sự tôn trọng.
- B. Thể hiện sự đồng cảm.
- C. Chủ động giao tiếp
- D. Coi thường, hạ thấp người khác.

II. TỰ LUẬN: (40%).

Câu 1. (10%) Viết 4 câu ca dao, tục ngữ nói về cách sống hài hòa với bạn bè là:

Câu 2. (20%) . Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: “T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.

Câu 3. (10%) bản thân em có những điểm mạnh điểm yếu gì? Em phải làm gì để khắc phục những điểm yếu và phát huy những điểm mạnh đó?

----- Chúc các em làm bài thật tốt-----

TRƯỜNG
TỔ: TOÁN TIN

HƯỚNG DẪN CHẤM KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN HỌC: HĐTN -- LỚP 9, NĂM HỌC 2024 - 2025
Thời gian: 60 phút (Không kể thời gian phát đề)

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (60%) Chọn đáp án đúng (Mỗi câu trả lời đúng 5%)

Đề	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	C	C	D	B	A	D	C	B	A	C	C	D
2	B	D	C	A	D	C	D	C	A	C	D	D

I. PHẦN TỰ LUẬN: (40%).

Câu	Nội dung đáp án	ĐIỂM
Câu 1 (10%)	<p><i>Viết 4 câu ca dao, tục ngữ nói về cách sống hài hòa với bạn bè là: Đất tốt trồng cây rườm rà/Những người thanh lịch nói ra dịu dàng.</i></p> <p><i>Có kiêng có lành, có dành có lúa.</i></p> <p><i>Quen nhau từ thuở hàn vi/Bây giờ sang trọng sá chi thân hèn.</i></p> <p><i>Gieo nhân nào gặt quả ấy.</i></p> <p><i>Bán anh em xa, mua láng giềng gần</i></p> <p><i>Giàu đôi bạn sang đôi vợ...</i></p>	<p>2,5 %</p> <p>2,5%</p> <p>2,5 %</p> <p>2,5%</p>
Câu 2 (20%)	<p>Cho biết điểm tích cực trong tình huống sau: “ T xin phép bố đi chơi với các bạn vào cuối tuần nhưng bố không đồng ý vì đã lâu ông bà ở quê mới có dịp lên chơi. T đã thể hiện thái độ khó chịu và không nói chuyện với bố. Sau khi được chị gái trò chuyện, phân tích, T đã hiểu. T xin lỗi bố và quyết định cuối tuần sẽ ở nhà với ông bà”.</p> <p>Hs xác định được điểm tích cực hợp lý và giải thích rõ ràng thì cho điểm tối đa</p>	<p>10%</p> <p>10%</p>
Câu 3 (10%)	<p>HS nêu được những điểm mạnh điểm yếu của mình</p> <p>Nêu được các biện pháp để khắc phục những điểm yếu và phát huy những điểm mạnh đó.</p> <p><i>(Nêu được mỗi ý)</i></p>	<p>2,5 %</p> <p>2,5 %</p> <p>2,5 %</p> <p>2,5 %</p>

Tổng hợp: Đạt : Kết quả phần 1, phần 2 đều ở mức Đạt. **Chưa đạt:** Chỉ đạt tối đa 1 phần.

<i>Duyệt của nhà trường</i>	<i>Duyệt của TCM</i>	<i>Giáo viên ra đề</i>